Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8528.62.00

Mã HS	8528.62.00
Mô tả hàng hóa	Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh / - Máy chiếu: / - - Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:56:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85286200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15647
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15647
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15647
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14975
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14907
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14907
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14907
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14907
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14907
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14907
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14961
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14961
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14961
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14961

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14961
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14961
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14962
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14962
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14962
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14962
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14962
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14962
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		1	AK!F14965
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14913
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14921
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14921
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14921
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14921
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14921
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14921
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14961
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14961
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14961
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14961
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14961
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14961
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15016
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15016
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15016
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15016

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15016
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15016
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14995
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14995
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14995
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14995
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14995
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14995
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14993
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14993
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14993
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14993
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14993
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14993
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14999
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14999
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14999
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14999
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14999
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14999
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14998
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14998
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14998
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14998
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14998
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14998

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14991
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14991
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14991
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14991
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14991
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14991
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14991
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14986
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14986
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14986
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14986
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14986
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14986
RCEP B	2022	2022	0	B!D14986
RCEP B	2023	2023	0	B!E14986
RCEP B	2024	2024	0	B!F14986
RCEP B	2025	2025	0	B!G14986
RCEP B	2026	2026	0	B!H14986
RCEP B	2027	2027	0	B!I14986
RCEP C	2022	2022	0	C!D14986
RCEP C	2023	2023	0	C!E14986
RCEP C	2024	2024	0	C!F14986
RCEP C	2025	2025	0	C!G14986
RCEP C	2026	2026	0	C!H14986
RCEP C	2027	2027	0	C!I14986
RCEP D	2022	2022	0	D!D14985

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14985
RCEP D	2024	2024	0	D!F14985
RCEP D	2025	2025	0	D!G14985
RCEP D	2026	2026	0	D!H14985
RCEP D	2027	2027	0	D!I14985
RCEP E	2022	2022	0	E!D14989
RCEP E	2023	2023	0	E!E14989
RCEP E	2024	2024	0	E!F14989
RCEP E	2025	2025	0	E!G14989
RCEP E	2026	2026	0	E!H14989
RCEP E	2027	2027	0	E!I14989
RCEP F	2022	2022	0	F!D14986
RCEP F	2023	2023	0	F!E14986
RCEP F	2024	2024	0	F!F14986
RCEP F	2025	2025	0	F!G14986
RCEP F	2026	2026	0	F!H14986
RCEP F	2027	2027	0	F!I14986
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13961
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13961
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13961
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13961

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AKFTA 1%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8528.62.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8528.62.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15647), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.